TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2017/DS-ST
Ngày: 24-11-2017.
"V/v tranh chấp về
Hợp đồng dân sự - Vay Tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Thanh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Dũng
2. Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Thị Tuyết Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 24/11/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án thụ lý số: 451/2017/TLST-DS ngày 05/10/2017,*"V/v tranh chấp về dân sự - Vay T sản"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 117/2017/QĐST-DS, ngày 24/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Quốc P, sinh năm 1958. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 17, ấp Bình Hòa, xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Trần Thị C, sinh năm 1970. Có mặt.

Địa chỉ: Số 82 đường Thủ Khoa Quân, khóm Mỹ Tây, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Văn T, sinh năm 1971. Có mặt.

Địa chỉ: Số 82 đường Thủ Khoa Quân, khóm Mỹ Tây, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2017, biên bản hòa giải ngày 03/11/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Quốc P trình bày:

Ngày 31/3/2017, bà C có vay của bà P số tiền 23.000.000 đồng, lãi

suất 3% hứa 03 tháng trả, có làm biên nhận nhưng từ ngày vay đến nay không trả lãi. Ngày 30/8/2017 bà C có trả cho bà P 15.000.000 đồng, có ghi biên nhận.

Bà C có yêu cầu bà P trả lại biên nhận gốc và nợ còn lại trả dần và số tiền lãi 05 tháng bớt luôn. Bà P không đồng ý nên bà C uy hiếp còn dành lại số tiền vừa trả nên bị hư giỏ xách đứt hai quay xách.

Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C và ông T (chồng bà C) trả lãi suất quá hạn của số tiền 23.000.000 đồng, tính từ thời điểm vay ngày 30/3/2017 đến 30/8/2017 là 05 tháng, cụ thể:

Tiền lãi: 23.000.000 đồng x 5 tháng x 1.125% = 1.293.750 đồng.

Tiền bồi thường giỏ xách trị giá 135.000 đồng.

Tiền vốn là 8.000.000 đồng.

Việc bà C trình bày là không đúng, bà P hăm dọa bà C, bà C có thỏa thuận việc giảm lãi và đã giảm lãi. Bà P có hứa nếu bà C trả đủ 23.000.000 đồng thì bà P không tính lãi. Nhưng bà C chỉ trả cho cho bà P 15.000.000 đồng. Việc trả lãi như trình bày của bà C là không có, từ ngày vay đến nay không trả lãi và không trả vốn.

Tại phiên tòa bà P xin rút một phần yêu cầu đối với bà C và ông T trả giá trị giỏ xách và không yêu cầu ông Lê Văn T liên đới, chỉ yêu cầu bà Trần Quốc P trả số tiền vốn 8.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 30/3/2017 đến 30/8/2017 là 05 tháng của số tiền vay 23.000.000 đồng, lãi suất 0,83%/tháng (23.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 05 tháng = 954.500 đồng) và yêu cầu tạm tính lãi suất tiếp của số tiền 8.000.000 đồng, lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 01/9/2017 đến ngày 01/11/2017 là 02 tháng (8.000.000 đồng x 0.83%/ tháng x 02 tháng = 132.800 đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 9.087.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị C trình bày:

Bà C vay của bà P vào tháng 6/2016 là 5.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng là 210.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Bà C trả lãi được một tháng là tháng 7/2016. Đến Tháng 7/2016, bà C vay của bà P 10.000.000 đồng.

Mục đích vay sử dụng cá nhân, ông T không biết việc này. Từ tháng 8/2016, bà C trả tiền lãi 3.600.000 đồng/15.000.000 đồng (đối với hai khoản nợ vay vào tháng 6,7/2016). Bà C trả lãi đến tháng 3/2017, bà C không còn khả năng trả nợ nên thỏa thuận với bà P giảm lãi để bà trả vốn 15.000.000 đồng, bà P có giảm tiền lãi và tính lãi 03 tháng là 8.000.000 đồng cộng vào tiền vốn 15.000.000 đồng, tổng cộng 23.000.000 đồng và yêu cầu bà C ký vào biên nhận, bà C ký vào biên nhận 23.000.000 đồng. Bà C và bà P thỏa thuận mỗi tháng trả 3.000.000 đồng nhưng bà C chỉ trả được một tháng là 2.750.000 đồng. Bà C thỏa thuận với bà P trả 15.000.000 đồng, số tiền còn lại cho bà P đồng ý cho bà C nhưng khi trả 15.000.000 đồng thì bà P không trả biên nhận nên bà C có giựt giỏ xách của bà P.

Bà C không đồng ý với yêu cầu của bà P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày:

Ông T không liên quan đến việc vay tiền của bà C, ông không biết việc bà C vay tiền để làm gì, ông T cũng không biết bà P. Ông T có đưa cho bà C 15.000.000 đồng để trả nợ cho bà P, bà C nói với ông T thiếu bà P 21.000.000 đồng, nếu trả đủ 15.000.000 đồng thì bỏ hết số tiền còn lại nên ông T có đưa 15.000.000 đồng cho bà C. Số tiền 15.000.000 đồng là tiền riêng của ông T, ông T có vay 200.000.000 đồng của ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Phương Trà để trả nợ cho bà C, ông T vay thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông do cha mẹ cho riêng ông.

Ông T không đồng ý theo yêu cầu của bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, qua phần hỏi tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Quốc P và các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là: "V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự - Vay T sản", theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn hiện nay cư trú tại thành phố Cao Lãnh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu của Lê Thị Quốc P yêu cầu bà Trần Thị C trả số tiền vốn và lãi là 9.087.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy đối với số tiền 23.000.000 đồng mà bà Trần Thị C đã vay của bà Lê Thị Quốc P vào ngày 31/3/2017, có làm biên nhận và bà Trần Thị C có ký tên xác nhận và cũng tại phiên Tòa, bà Lê Thị Quốc P trình bày: Ngày 31/3/2017, bà C có vay của bà P số tiền 23.000.000 đồng, lãi suất 3% hứa 03 tháng trả, có làm biên nhận nhưng từ ngày vay đến nay không trả lãi. Ngày 30/8/2017 bà C có trả cho bà P 15.000.000 đồng, có ghi biên nhận cho bà C. Đối với số tiền vay 23.000.000 đồng của bà Trần Thị C, không có trả bất cứ khoản lãi nào, số tiền vay còn lại 8.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả.

Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù bà Trần Thị C trình bày đối với 02 khoản vay vào tháng 6/2016 là 5.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng là 210.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, trả lãi được một tháng là tháng 7/2016, đến Tháng 7/2016, bà C vay của bà P 10.000.000 đồng. Từ tháng 8/2016 bà C trả tiền lãi 3.600.000 đồng/15.000.000 đồng (đối với hai khoản nợ vay vào tháng 6,7/2016). Bà C trả lãi đến tháng 3/2017, bà C không còn khả năng trả nợ. Tuy nhiên, bà C chỉ trình bày chứ không xuất trình được giấy tờ hay chứng cứ nào để chứng minh các khoản lãi mà mình đã trả.

Đối với biên nhận vay tiền giữa bà Lê Thị Quốc P và bà Trần Thị C là có thật và được các bên thừa nhận và được bà Trần Thị C ký tên xác nhận vào biên nhận, thể hiện bà Trần Thị C có vay của bà Lê Thị Quốc P số tiền 23.000.000 đồng vào ngày 31/3/2017. Và bà P cũng thừa nhận là bà C có trả số tiền vốn 15.000.000 đồng vào ngày 30/8/2017, trong thời gian 05 tháng không có đóng lãi, còn lại số tiền vốn 8.000.000 đồng. Nay bà P yêu cầu tính lãi của số tiền vay 23.000.000 đồng từ tháng 3/2017 đến tháng 8/2017 là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa bà P rút một phần yêu cầu: Không yêu cầu bà C ông T bồi thường giỏ xách trị giá 135.000 đồng và Không yêu cầu ông T liên đới cùng bà C trả số tiền vay của bà P.

Đình chỉ yêu cầu của bà P đối với bà C và ông T, bà P không yêu cầu bà C bồi thường giá trị giỏ xách và không yêu cầu ông Lê Văn T liên đới.

Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị Quốc P yêu cầu bà Trần Thị C trả số tiền vốn và lãi tổng cộng 9.087.000 đồng.

Buộc bà Trần Thị C trả cho bà Lê Thị Quốc P số tiền 9.087.000 đồng.

Bà Trần Thị C có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Quốc P số tiền 9.087.000 nên phải chịu 454.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, 466, Điều 357, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Quốc P yêu cầu bà Trần Thị C trả số tiền 9.087.000 đồng.

Buộc bà Trần Thị C trả cho bà Lê Thị Quốc P số tiền 9.087.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu của bà P đối với bà Trần Thị C và ông Lê Văn T: không yêu cầu trả giá trị giỏ xách và không yêu cầu ông Lê Văn T liên đới cùng bà C trả số tiền vay cho bà P.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị C phải chịu 454.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Quốc P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 00204 ngày 28/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Huỳnh Thanh Hòa